

ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC GIA ĐÌNH CỦA TRẺ VỊ THÀNH NIÊN¹

LUU SONG HÀ*
PHAN THỊ THU HÀ**

Tóm tắt: Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên được hiểu là những phản ứng của các em khi chịu bạo lực thể chất, tinh thần và kinh tế từ bố mẹ, được tìm hiểu qua hai dạng chiến lược ứng phó là: ứng phó tập trung vào cảm xúc (bên trong, bên ngoài) và ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề (tích cực, tiêu cực). Nghiên cứu được thực hiện năm 2024 với việc sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi trên 712 trẻ vị thành niên bị bạo lực từ bố mẹ tại Hà Nội, Tuyên Quang, Nam Định, Đà Nẵng và Long An. Kết quả cho thấy bạo lực tinh thần là hình thức phổ biến nhất. Khi bị bạo lực, trẻ vị thành niên có xu hướng ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực nhiều hơn, trong khi ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực ít được sử dụng nhất. Có sự khác biệt trong lựa chọn kiểu ứng phó theo giới, khu vực sinh sống và trải nghiệm bạo lực. Nữ vị thành niên sử dụng ứng phó tập trung vào cảm xúc bên trong nhiều hơn nam. Trẻ vị thành niên sống ở khu vực thành thị ứng phó tích cực nhiều hơn khi bị bạo lực thể chất, ứng phó tiêu cực nhiều hơn khi bị bạo lực tinh thần và ít sử dụng ứng phó cảm xúc bên ngoài khi bị bạo lực kinh tế. Trẻ vị thành niên từng bị hoặc chứng kiến bạo lực có xu hướng ứng phó cảm xúc bên trong hoặc giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực.

Từ khóa: bạo lực gia đình, ứng phó, cảm xúc, trẻ vị thành niên.

Nhận bài: 08/01/2026

Gửi phản biện: 25/3/2026

Duyệt đăng: 25/6/2026

1. Đặt vấn đề

Bạo lực gia đình là một hiện tượng xã hội phổ biến trên toàn cầu, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với sức khỏe thể chất, tinh thần và sự phát triển nhân cách của trẻ em và thanh thiếu niên. Việc chứng kiến hoặc trực tiếp trải nghiệm bạo lực gia đình làm gia tăng nguy cơ rối loạn lo âu, trầm cảm, hành vi chống đối xã hội và khó khăn trong các mối quan hệ xã hội về sau (Foshee et al., 2017).

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 504.05-2021.15

* Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Viện Nghiên cứu Phụ nữ, Học viện Phụ nữ Việt Nam.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm có hàng triệu trẻ em là nạn nhân của bạo lực gia đình (Krug et al., 2002). Nhiều nghiên cứu cho thấy tỷ lệ trẻ vị thành niên từng bị hoặc chứng kiến bạo lực gia đình ở mức đáng lo ngại. Tại Hoa Kỳ, 36% trẻ vị thành niên từng là nạn nhân của bạo lực, 38% từng trải qua lạm dụng và 32% từng chứng kiến bạo lực gia đình (Harpaz-Rotem et al., 2007). Kết quả khảo sát quốc gia tại Phần Lan cho thấy, 32% trẻ 15 tuổi từng bị bạo lực nhẹ và 4% từng chịu bạo lực nghiêm trọng trong vòng 12 tháng gần nhất (Ellonen et al., 2008). Số liệu thống kê tại Việt Nam năm 2020-2021 cũng chỉ ra rằng, 42,7% và 41,1% trẻ em từ 1 đến 14 tuổi đã bị bạo lực thể chất dưới ít nhất một hình thức trong 1 tháng trước thời điểm khảo sát (dẫn theo Trần Quý Long, 2023). Những số liệu này cho thấy sự cần thiết phải nghiên cứu các phản ứng và kiểu ứng phó của trẻ vị thành niên trong bối cảnh bạo lực gia đình.

Trong hai thập kỷ qua, nghiên cứu về ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình chủ yếu dựa trên khung lý thuyết của Lazarus và Folkman (1984), phân biệt giữa ứng phó tập trung vào vấn đề và ứng phó tập trung vào cảm xúc. Ứng phó tập trung vào vấn đề bao gồm tìm kiếm giải pháp trực tiếp như tránh xa kẻ gây bạo lực, tìm kiếm sự giúp đỡ từ người lớn hoặc cơ quan chuyên môn, hay áp dụng các kỹ năng giải quyết vấn đề. Ứng phó tập trung vào cảm xúc liên quan đến điều chỉnh trạng thái tâm lý như chấp nhận, né tránh hay tự trách. Các nghiên cứu cho thấy trẻ vị thành niên ít chủ động tìm kiếm hỗ trợ chuyên môn mà thường dựa vào các nỗ lực tự xoay xở, và xu hướng sử dụng các chiến lược ứng phó như né tránh hoặc tự trách có liên quan đến gia tăng các vấn đề cảm xúc - hành vi (Lepistö et al., 2010; Gagné & Melançon, 2013; Compas et al., 2017). Một số nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của các kỹ năng tái cấu trúc nhận thức và giải quyết vấn đề trong việc giúp trẻ vị thành niên giảm thiểu tác động tiêu cực lâu dài của bạo lực (Morimoto & Sharma, 2004; Gipple et al., 2006).

Nghiên cứu ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình, Lepistö và cộng sự (2010) ghi nhận rằng, trẻ vị thành niên từng chứng kiến hoặc bị ảnh hưởng bởi bạo lực gia đình thường có xu hướng sử dụng hai chiến lược ứng phó là tìm kiếm cảm giác thuộc về (seeking to belong) và tự trách bản thân (self-blame) khi không thể thay đổi tình huống. Hai chiến lược ứng phó này phản ánh nỗ lực duy trì hoặc khôi phục sự gắn bó cảm xúc với gia đình, ngay cả khi quan hệ đó là nguồn gây tổn thương. Trẻ vị thành niên thường cố gắng làm hài lòng cha mẹ, im lặng để tránh xung đột, hoặc tự nhận lỗi nhằm duy trì cảm giác mình vẫn được yêu thương và chấp nhận (Lepistö et al., 2010). Cơ chế này xuất phát từ nhu cầu gắn bó và sợ bị bỏ rơi, nhưng lại mang tính thích nghi không lành mạnh vì nó ngăn cản các em tìm kiếm sự hỗ trợ thực tế, đồng thời làm tăng nguy cơ trầm cảm, lo âu và mặc cảm tội lỗi (Zimmer-Gembeck & Skinner, 2016; Compas et al., 2017).

Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, trẻ vị thành niên có thể sử dụng chiến lược ứng phó phức hợp, chịu ảnh hưởng bởi quan hệ gia đình và các mô hình bạo lực liên thế hệ (Routt & Anderson, 2011; Miles & Condry, 2015). Trên thực tế, ứng phó tập trung vào cảm xúc và né tránh thường phổ biến hơn ứng phó tập trung vào vấn đề, cho thấy nhu cầu can thiệp nhằm tăng cường các kỹ năng ứng phó tích cực cho trẻ vị thành niên.

Tại Việt Nam, bạo lực gia đình là vấn đề đáng quan ngại, gây ra những thiệt hại kinh tế-xã hội đáng kể, ước tính tương đương khoảng 2% GDP (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và cộng sự, 2020). Do đó, nghiên cứu các kiểu ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình không chỉ có ý nghĩa lý luận trong việc làm rõ đặc điểm bạo lực và phản ứng của trẻ, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc xây dựng các chương trình tư vấn, can thiệp và phòng ngừa phù hợp với bối cảnh văn hóa Việt Nam, góp phần bảo vệ sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của trẻ vị thành niên.

Bài viết hướng đến bốn mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng các hình thức bạo lực gia đình mà trẻ vị thành niên trải nghiệm; 2) Phân tích các kiểu ứng phó của trẻ vị thành niên khi đối diện với bạo lực gia đình, bao gồm ứng phó tập trung vào cảm xúc (bên trong, bên ngoài) và ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề (tích cực, tiêu cực); 3) Xem xét sự khác biệt trong các kiểu ứng phó theo các đặc điểm cá nhân và bối cảnh như giới tính, khu vực sinh sống và trải nghiệm bạo lực trong quá khứ; và 4) Bước đầu gợi mở các hàm ý can thiệp nhằm tăng cường các chiến lược ứng phó tích cực cho trẻ vị thành niên trong bối cảnh bạo lực gia đình tại Việt Nam.

2. Mẫu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu và phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, được lựa chọn tại 20 xã/phường thuộc 10 quận/huyện ở 5 tỉnh/thành phố, bao gồm Hà Nội, Tuyên Quang, Nam Định, Đà Nẵng và Long An. Tại mỗi xã/phường, nghiên cứu tiến hành khảo sát 45 trẻ vị thành niên, với tổng cỡ mẫu là 900 em. Tiêu chí lựa chọn mẫu bao gồm: (1) độ tuổi 12-18; (2) tự nguyện tham gia; (3) đủ khả năng thể chất và tinh thần để tham gia nghiên cứu. Trong số 900 trẻ vị thành niên được mời, có 880 em đồng ý tham gia, 12 em từ chối tiếp tục tham gia sau khi trả lời được một số câu hỏi. Vì vậy mẫu nghiên cứu bao gồm 868 vị thành niên, trong đó bài viết tập trung phân tích 712 vị thành niên từng bị bạo lực gia đình. Đặc điểm mẫu nghiên cứu được trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Các tiêu chí		Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	358	50,3
	Nữ	354	49,7
Khu vực sinh sống	Thành thị	194	27,2
	Nông thôn	578	72,8
Bị bạo lực khi còn nhỏ	Có	178	25,0
	Không	460	64,6
	Không rõ	74	10,4
Chứng kiến người thân bị bạo lực khi còn nhỏ	Có	318	44,6
	Không	338	47,5
	Không rõ	56	7,9
Tổng		712	100,0

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, thu thập dữ liệu thông qua phỏng vấn trực tiếp trẻ vị thành niên nhằm tìm hiểu cách các em ứng phó với bạo lực gia đình. Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 22.0. Các phân tích thống kê bao gồm kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), thống kê mô tả và thống kê suy luận. Cronbach's alpha và EFA được sử dụng để đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của thang đo. Thống kê mô tả sử dụng tần suất, tỷ lệ phần trăm, điểm trung bình và độ lệch chuẩn để mô tả các hình thức bạo lực và cách ứng phó của trẻ vị thành niên. Thống kê suy luận áp dụng phép so sánh giá trị trung bình (Independent-Samples T-Test), với mức ý nghĩa thống kê $P < 0,05$.

Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha về độ tin cậy của thang đo “Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên”

Các thang đo		Các nhận định	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến	Hệ số Cronbach's Alpha
Ứng phó tập trung vào cảm xúc	Bên trong	1. Buồn chán	0,559	0,875	0,880
		2. Sợ hãi	0,717	0,858	
		3. Thất vọng	0,718	0,857	
		4. Cô đơn	0,718	0,857	
		5. Ám ức	0,694	0,860	
		6. Căng thẳng	0,673	0,862	
		7. Im lặng, chịu đựng	0,486	0,880	
		8. Lo lắng, bất an	0,598	0,870	
	Bên ngoài	1. Cáu gắt, giận dữ với mọi người	0,665	0,685	0,792
		2. Than thân, trách phạt	0,632	0,719	

		3. Nghi ngờ những người xung quanh	0,609	0,744	
Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề	Tích cực	1. Cố gắng làm theo kế hoạch đã đặt ra	0,547	0,867	0,874
		2. Sắp xếp lại cuộc sống và các việc cần làm của mình	0,707	0,850	
		3. Cố gắng làm một số việc gì đó để thay đổi tình hình hiện tại	0,686	0,853	
		4. Tập trung suy nghĩ đến những việc mình cần phải làm tiếp theo	0,721	0,849	
		5. Tham gia vào các hoạt động xã hội, cộng đồng, tập thể để quên đi nỗi buồn của bản thân	0,679	0,853	
		6. Quyết tâm tự mình vượt qua chuyện này	0,657	0,856	
		7. Nói chuyện, chia sẻ với người thân/bạn bè/thầy cô về cảm giác, suy nghĩ và tình trạng của mình	0,584	0,863	
		8. Xem tivi; đi du lịch; đọc truyện, sách, báo; ngủ; đến nhà bạn... để ít nghĩ đến những việc đã xảy ra với mình	0,480	0,875	
	Tiêu cực	1. Dùng bia, rượu, thuốc lá, thuốc an thần	0,425	0,701	0,718
		2. Ngủ ở nhà người khác nhiều hơn ở nhà mình	0,553	0,627	
		3. Nói lời mỉa mai, châm chọc người khác	0,588	0,609	
		4. Xa lánh tất cả mọi người	0,471	0,683	

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, các biến quan sát trong các thang đo đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3. Hệ số Cronbach's Alpha của bốn tiểu thang đo đều lớn hơn 0,7 (Bảng 2), nên độ tin cậy của các tiểu thang đo này đều đạt yêu cầu.

Kết quả phân tích EFA thang đo “Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên” cho thấy dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố (KMO = 0,864; Bartlett's Test = 3460,679; Sig. = 0,000). Tổng phương sai trích đạt 55,59%, các nhân tố có Eigenvalue lớn hơn 1 và hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5, đảm bảo ý nghĩa thực tiễn (Anderson & Gerbing, 1988; Hair et al., 1998). Phân tích nhân tố theo phương pháp Principal Components với phép quay Varimax xác định 23 biến quan sát được phân thành bốn nhân tố: (1) Ứng phó tập trung vào cảm xúc bên trong; (2) Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực; (3) Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực; (4) Ứng phó tập trung vào cảm xúc bên ngoài. Thang đo sử dụng 5 mức độ trả lời và điểm tương ứng được quy gán như sau: Không đúng: 1 điểm; Đúng ít: 2 điểm; Bình thường: 3 điểm; Đúng nhiều: 4 điểm và Đúng: 5 điểm. Điểm trung bình (ĐTB) ở kiểu ứng phó càng cao thì trẻ vị thành niên càng chọn ứng phó đó khi bị bạo lực từ bố mẹ.

**Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA của thang đo
“Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên”**

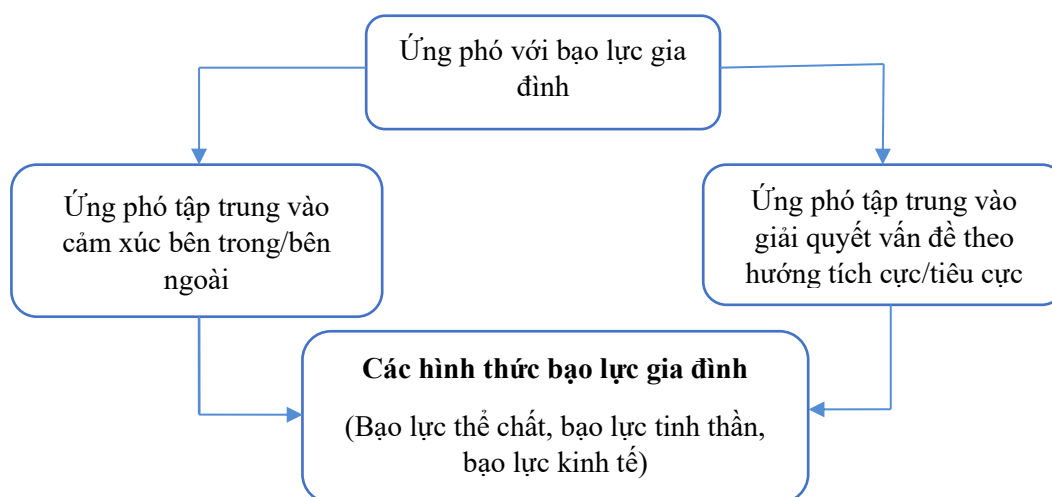
Các biến quan sát	Ứng phó tập trung vào cảm xúc bên trong	Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực	Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực	Ứng phó tập trung vào cảm xúc bên ngoài
Sợ hãi	0,805			
Ám ức	0,780			
Thất vọng	0,776			
Cô đơn	0,764			
Căng thẳng	0,739			
Buồn chán	0,690			
Lo lắng, bất an	0,626			
Im lặng, chịu đựng	0,574			
Tập trung suy nghĩ đến những việc mình cần phải làm tiếp theo		0,831		
Sắp xếp lại cuộc sống và các việc cần làm của mình		0,804		
Cố gắng làm một số việc gì đó để thay đổi tình hình hiện tại		0,775		
Tham gia vào các hoạt động xã hội, cộng đồng, tập thể để quên đi nỗi buồn của mình		0,767		
Quyết tâm tự mình vượt qua chuyện này		0,743		
Cố gắng làm theo kế hoạch đã đặt ra		0,668		
Nói chuyện, chia sẻ với người thân/bạn bè/thầy cô về cảm giác, suy nghĩ và tình trạng của mình		0,665		
Xem tivi; đi du lịch; đọc truyện, sách, báo; ngủ; đến nhà bạn,... để ít phải nghĩ đến những việc đã xảy ra với bản thân		0,551		
Ngủ ở nhà người khác nhiều hơn ở nhà mình			0,779	
Nói lời mỉa mai, châm chọc người khác			0,774	
Dùng bia, rượu, thuốc lá, thuốc an thần...			0,670	
Xa lánh tất cả mọi người			0,637	
Cáu gắt, giận dữ với mọi người				0,743
Than thân, trách phạt				0,656
Nghĩ ngờ những người xung quanh				0,643

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

2.3. Mô hình nghiên cứu và các biến của mô hình

Dựa trên kết quả kiểm định, mô hình nghiên cứu về ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình được hình thành và được biểu thị ở Sơ đồ 1.

Sơ đồ 1. Mô hình nghiên cứu về ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình



Trong mô hình nghiên cứu về ứng phó của trẻ vị thành niên với các hình thức bạo lực gia đình, có hai kiểu ứng phó là ứng phó tập trung vào cảm xúc (bên ngoài và bên trong) và ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề (tích cực và tiêu cực).

3. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu

Trẻ vị thành niên được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, nội dung nghiên cứu và việc lưu trữ, sử dụng dữ liệu; sự tham gia là tự nguyện và các em có quyền từ chối, rút lui hoặc bỏ qua bất kỳ câu hỏi nào. Dữ liệu được mã hóa và lưu trữ ẩn danh; thông tin nhận dạng và liên lạc được bảo quản riêng biệt, an toàn và được hủy sau khi nghiên cứu kết thúc. Đề cương và công cụ nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của Đại học Y tế Công cộng phê duyệt (số 317/2024/YTCC-HD3, ngày 08/7/2024). Tất cả tài liệu sử dụng đều được trích dẫn đầy đủ.

4. Kết quả nghiên cứu

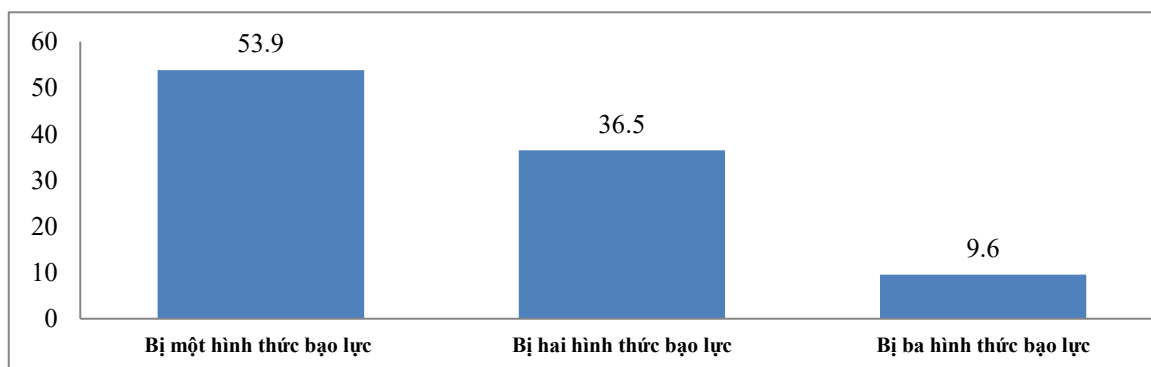
4.1. Các hình thức bạo lực gia đình đối với trẻ vị thành niên

Trong nghiên cứu này, bạo lực gia đình đối với trẻ vị thành niên được xem xét qua ba hình thức: bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần và bạo lực kinh tế, dựa trên tự đánh giá của các em. Bạo lực thể chất bao gồm 10 hành vi: (1) Ném đồ vật vào người; (2) Đánh bằng roi; (3) Đánh bằng bất cứ vật dụng gì có được (gậy, thắt lưng, cán chổi, gạch, đá, đòn gánh,...); (4) Tát; (5) Đấm; (6) Đá, đập; (7) Đập đầu; (8) Cẩu, véo; (9) Lắc, xô đẩy; (10) Nắm, kẹp, giật, túm tóc. Bạo lực tinh thần bao gồm 8 hành vi: (1) Chửi rủa, đay nghiến; (2)

Mắng mỏ/la rầy; (3) Sĩ nhục/lãng mạ/xúc phạm; (4) Dọa nạt; (5) Đe nẹt/bắt bẻ; (6) Xúi bẩy người khác xa lánh; (7) Coi thường; (8) Lạnh lùng, phớt lờ, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc. Bạo lực kinh tế bao gồm 5 hành vi: (1) Chiếm giữ tài sản riêng, chung/Thu hồi vật dụng, đồ dùng cá nhân; (2) Hủy hoại, đập phá, làm hư hỏng tài sản riêng, chung/đồ dùng, vật dụng cá nhân; (3) Cưỡng ép lao động/bắt ép làm việc nhà; (4) Quản lý chặt chẽ tiền bạc; (5) Ngăn cản tham gia vào các hoạt động lao động/học tập.

Biểu đồ 1. Các hình thức bạo lực của bố mẹ đối với trẻ vị thành niên

Đơn vị: %



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Trong số 712 trẻ vị thành niên từng bị bạo lực gia đình, có 384 em (53,9%) trải nghiệm một hình thức bạo lực, 260 em (36,5%) trải nghiệm hai hình thức bạo lực và 68 em (9,6%) trải nghiệm đồng thời cả ba hình thức bạo lực.

Bảng 4. Số lần trẻ vị thành niên trải nghiệm hành vi bạo lực

Số lần trải nghiệm bạo lực	Bạo lực thể chất		Bạo lực tinh thần		Bạo lực kinh tế	
	N	%	N	%	N	%
0	432	60,7	84	11,8	512	71,9
1	184	25,8	384	53,9	148	20,8
2	62	8,7	158	22,2	40	5,6
3	8	1,1	58	8,1	8	1,1
4	18	2,5	20	2,8	2	0,3
5	6	0,8	4	0,6	2	0,3
6	0	0,0	4	0,6	0	0,0
9	2	0,3	0	0,0	0	0,0
Tổng	712	100,0	712	100,0	712	100,0

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Xét theo các hình thức bạo lực gia đình, bạo lực kinh tế là hình thức trẻ vị thành niên ít trải nghiệm nhất (200 em; 28,1%), tiếp đến là bạo lực thể chất (280 em; 39,3%), và phổ biến nhất là bạo lực tinh thần (628 em; 88,2%). Khi xem xét số lần trải nghiệm từng hình thức bạo lực trong 12 tháng qua, đa số trẻ vị thành niên trải nghiệm 1 lần hành vi bạo lực, trong khi số em trải nghiệm 5 lần hành vi bạo lực chiếm tỷ lệ thấp nhất. Ở cả ba hình thức, trẻ vị thành niên đều trải nghiệm từ 1 đến 5 lần hành vi bạo lực; riêng bạo lực thể chất ghi

nhận có 2 trường hợp trải nghiệm tới 9 lần và có 4 trường hợp trải nghiệm 6 lần hành vi bạo lực tinh thần (xem Bảng 4).

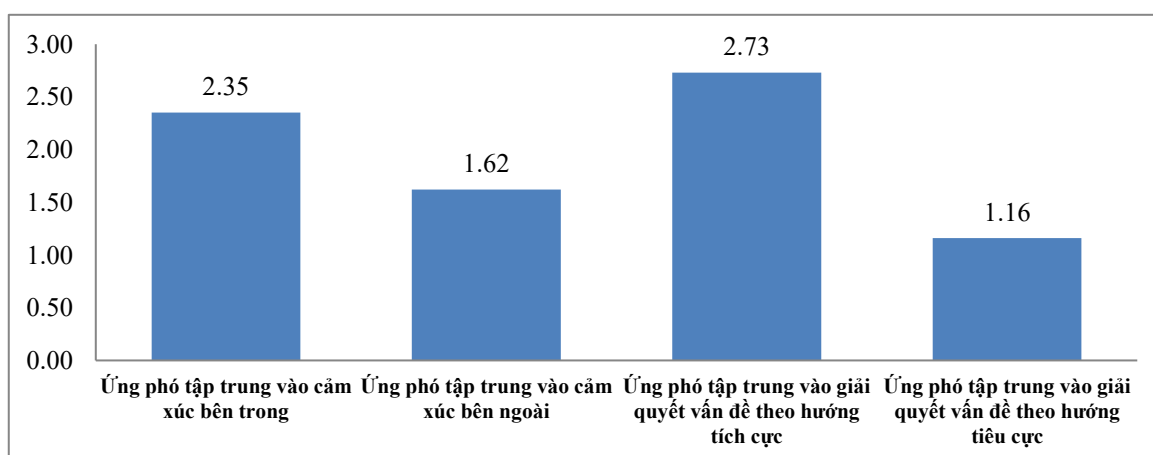
4.2. Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên

4.2.1. Đánh giá chung về ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên

Ứng phó với bạo lực gia đình của trẻ vị thành niên là những phản ứng của các em khi bị bạo lực thể chất, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế từ bố mẹ và được tìm hiểu qua đánh giá của chính các em ở các cách thức: ứng phó tập trung vào cảm xúc (bên trong và bên ngoài), ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề (tích cực và tiêu cực).

Khi trải nghiệm trực tiếp bạo lực từ bố mẹ, trẻ vị thành niên ưu tiên ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực, tiếp đến là ứng phó tập trung vào cảm xúc bên trong, bên ngoài và cuối cùng là ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực (ĐTB lần lượt là 2,73; 2,35; 1,62 và 1,16).

Biểu đồ 2. Các cách thức ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực gia đình (ĐTB)



Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Kết quả nghiên cứu phù hợp với quan điểm của Lazarus và Folkman (1984), theo đó các chiến lược ứng phó được phân chia thành hai nhóm chính: ứng phó tập trung vào vấn đề và ứng phó tập trung vào cảm xúc. Tuy nhiên, kết quả này có một số khác biệt so với các nghiên cứu trước (Morimoto & Sharma, 2004; Gipple et al., 2006; Lepistö et al., 2010; Gagné & Melançon, 2013; Zimmer-Gembeck & Skinner, 2016; Compas et al., 2017). Theo Morimoto và Sharma (2004) và Gipple et al. (2006), trẻ vị thành niên thường sử dụng tái cấu trúc nhận thức và giải quyết vấn đề để giảm thiểu tác động tiêu cực lâu dài của bạo lực, trong khi Compas et al. (2017) cho rằng các em có thể phát triển các chiến lược ứng phó đa dạng, từ thích nghi tích cực đến né tránh hoặc phản kháng tiêu cực.

Bảng 4. Các cách ứng phó của trẻ vị thành niên với các hình thức bạo lực gia đình

Các hình thức bạo lực gia đình		Thể chất		Tinh thần		Kinh tế	
		M	SD	M	SD	M	SD
Các cách ứng phó							
Ứng phó tập trung vào cảm xúc	Bên trong	2,56	1,23	2,38	1,15	2,48	1,06
	Bên ngoài	1,71	0,80	1,63	0,80	1,72	0,85
Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề	Tích cực	2,72	1,16	2,72	1,16	2,88	1,14
	Tiêu cực	1,26	0,59	1,15	0,39	1,23	0,49

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Nhìn chung, khi trải nghiệm trực tiếp cả ba hình thức bạo lực thể chất, tinh thần và kinh tế từ bố mẹ, trẻ vị thành niên đều sử dụng chiến lược ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực thường xuyên hơn (ĐTB lần lượt là 2,88; 2,72; 2,72). Ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tiêu cực là kiểu ứng phó các em ít sử dụng nhất đối với cả ba hình thức bạo lực (ĐTB tương ứng là 1,26; 1,23 và 1,15).

4.2.2. So sánh các cách ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực thể chất theo các lát cắt

Bảng 5. Kết quả so sánh các cách ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực thể chất theo các lát cắt

Các cách ứng phó		Tập trung vào cảm xúc						Tập trung vào giải quyết vấn đề					
		Bên trong			Bên ngoài			Tích cực			Tiêu cực		
		Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p
Giới tính	Nam so với nữ	-0,51	[-0,79; -0,22]	0,001	-0,14	[-0,33; -0,55]	0,162	0,01	[-0,26; 0,28]	0,922	0,09	[-0,05; 0,22]	0,208
Khu vực sinh sống	Thành thị so với nông thôn	0,14	[-0,23; 0,51]	0,456	-0,10	[-0,33; 0,12]	0,363	0,43	[0,11; 0,75]	0,008	0,10	[-0,07; 0,28]	0,248
Bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,57	[0,25; 0,88]	0,000	-0,07	[-0,29; 0,14]	0,486	-0,28	[-0,58; 0,03]	0,073	0,35	[0,20; 0,50]	0,000
	Có so với không rõ	0,54	[0,07; 1,02]	0,026	-0,09	[-0,41; 0,23]	0,566	0,11	[-0,35; 0,57]	0,645	0,37	[0,14; 0,59]	0,001
	Không so với không rõ	-0,02	[-0,47; 0,42]	0,918	-0,02	[-0,32; 0,28]	0,903	0,38	[-0,05; 0,81]	0,079	0,02	[-0,19; 0,23]	0,877
Chứng kiến người thân bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,32	[0,03; 0,61]	0,032	0,24	[0,06; 0,43]	0,009	0,21	[-0,07; 0,50]	0,138	0,31	[0,17; 0,45]	0,000
	Có so với không rõ	-1,02	[-1,52; -0,52]	0,000	-0,93	[-1,25; -0,62]	0,000	-0,58	[-1,07; -0,10]	0,019	0,05	[-0,19; 0,29]	0,677
	Không so với không rõ	-1,34	[-1,83; -0,84]	0,000	-1,18	[-1,49; -0,87]	0,000	-0,80	[-1,28; -0,32]	0,001	-0,26	[-0,50; -0,02]	0,033

Ghi chú: Mean Difference: Hiệu số trung bình; 95%CI of the Difference: Khoảng tin cậy 95% của hiệu số trung bình; p: giá trị kiểm định t-test hoặc ANOVA.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Kết quả cho thấy có sự khác biệt trong cách ứng phó với bạo lực thể chất của trẻ vị thành niên theo giới tính, khu vực và trải nghiệm bạo lực. Cụ thể, trẻ vị thành niên nữ có xu hướng ứng phó tập trung vào cảm xúc bên trong cao hơn nam, trong khi trẻ ở khu vực

thành thị có xu hướng sử dụng các cách ứng phó giải quyết vấn đề tích cực nhiều hơn ($p < 0,05$). Trẻ từng bị bạo lực và chứng kiến bạo lực có xu hướng gia tăng các cách ứng phó cảm xúc và ứng phó tiêu cực.

Dưới góc độ lý thuyết ứng phó căng thẳng và học tập xã hội, các kết quả này cho thấy trải nghiệm bạo lực không chỉ ảnh hưởng trực tiếp mà còn định hình hệ thống ứng phó của trẻ thông qua quá trình điều chỉnh cảm xúc và học hỏi từ môi trường. Sự khác biệt theo giới phản ánh đặc điểm giới trong xử lý cảm xúc, trong khi sự khác biệt theo khu vực có thể liên quan đến điều kiện tiếp cận nguồn lực và môi trường phát triển. Nhìn chung, bạo lực gia đình có xu hướng làm gia tăng các phản ứng kém thích ứng, ngay cả ở những trẻ vị thành niên chỉ chứng kiến bạo lực.

Bảng 6. Kết quả so sánh các cách ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực tinh thần theo các lát cắt

Các cách ứng phó		Tập trung vào cảm xúc						Tập trung vào giải quyết vấn đề					
		Bên trong			Bên ngoài			Tích cực			Tiêu cực		
		Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p
Giới tính	Nam so với nữ	0,30	[-0,48; 0,12]	0,001	0,02	[-0,14; 0,11]	0,776	0,03	[-0,15; 0,22]	0,711	0,03	[-0,03; 0,09]	0,359
Khu vực sinh sống	Thành thị so với nông thôn	0,02	[-0,19; 0,22]	0,886	-0,07	[-0,20; 0,06]	0,284	0,17	[-0,03; 0,38]	0,102	0,07	[-0,00; 0,15]	0,054
Bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,56	[0,34; 0,77]	0,000	0,14	[-0,01; 0,79]	0,017	-0,31	[-0,53; -0,09]	0,005	0,13	[0,06; 0,20]	0,000
	Có so với không rõ	0,53	[0,21; 0,86]	0,001	0,05	[-0,18; 0,28]	0,647	0,02	[-0,31; 0,36]	0,889	0,13	[0,02; 0,24]	0,026
	Không so với không rõ	-0,03	[-0,32; 0,26]	0,851	-0,08	[-0,29; 0,12]	0,416	0,33	[0,04; 0,63]	0,028	0,004	[0,10; 0,09]	0,993
Chứng kiến người thân bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,34	[0,15; 0,52]	0,000	0,12	[-0,01; 0,25]	0,062	-0,05	[-0,23; 0,14]	0,638	0,08	[0,02; 0,14]	0,014
	Có so với không rõ	-0,39	[-0,73; 0,05]	0,025	-0,39	[-0,63; -0,16]	0,001	-0,50	[-0,85; -0,15]	0,005	-0,04	[-0,16; 0,08]	0,516
	Không so với không rõ	-0,73	[-1,07; -0,39]	0,000	-0,52	[-0,75; -0,28]	0,000	-0,45	[-0,80; -0,11]	0,011	-0,12	[-0,24; -0,00]	0,047

Ghi chú: Mean Difference: Hiệu số trung bình; 95%CI of the Difference: Khoảng tin cậy 95% của hiệu số trung bình; p: giá trị kiểm định t-test hoặc ANOVA.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Số liệu ở Bảng 6 cho thấy có sự khác biệt trong cách ứng phó với bạo lực tinh thần theo giới tính và trải nghiệm bạo lực. Cụ thể, trẻ vị thành niên nữ có xu hướng sử dụng ứng phó cảm xúc bên trong cao hơn nam ($p < 0,01$). Trẻ từng bị bạo lực và chứng kiến bạo lực có xu hướng sử dụng nhiều hơn các cách ứng phó cảm xúc và ứng phó tiêu cực ($p < 0,05$). Sự khác biệt theo khu vực ít rõ rệt, ngoại trừ ứng phó tiêu cực cao hơn ở nhóm thành thị ($p < 0,05$).

Kết quả cho thấy trải nghiệm bạo lực tinh thần có liên quan đến sự gia tăng các cách ứng phó cảm xúc và các phản ứng kém thích ứng ở trẻ vị thành niên, phù hợp với lý thuyết ứng phó căng thẳng và học tập xã hội. Việc nữ giới có xu hướng sử dụng ứng phó cảm xúc

nhiều hơn phản ánh đặc điểm giới trong xử lý cảm xúc. Đồng thời, ảnh hưởng của việc chứng kiến bạo lực cho thấy tác động lan tỏa của môi trường gia đình đến hệ thống ứng phó của trẻ. Tuy nhiên, cần thận trọng với một số nhóm có kích thước mẫu nhỏ và cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ cơ chế tác động.

Bảng 7. Kết quả so sánh các cách ứng phó của trẻ vị thành niên với bạo lực kinh tế theo các lát cắt

Các cách ứng phó		Tập trung vào cảm xúc						Tập trung vào giải quyết vấn đề					
		Bên trong			Bên ngoài			Tích cực			Tiêu cực		
		Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p	Mean Difference	95% CI of the Difference	p
Giới tính	Nam so với nữ	-0,50	[-0,79; -0,22]	0,001	-0,30	[-0,54; -0,06]	0,013	-0,09	[-0,41; 0,23]	0,578	0,13	[-0,01; 0,26]	0,060
Khu vực sinh sống	Thành thị so với nông thôn	0,04	[-0,30; 0,37]	0,830	-0,26	[-0,49; -0,02]	0,031	0,12	[-0,21; 0,46]	0,461	-0,09	[-0,23; 0,05]	0,203
Bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,48	[0,17; 0,79]	0,002	0,02	[-0,24; 0,27]	0,907	-0,54	[-0,87; -0,21]	0,002	0,34	[0,20; 0,48]	0,000
	Có so với không rõ	0,49	[-0,00; 0,98]	0,052	0,07	[-0,34; 0,48]	0,741	0,10	[-0,42; 0,63]	0,701	0,20	[-0,02; 0,43]	0,073
	Không so với không rõ	0,01	[-0,47; 0,49]	0,970	0,05	[-0,34; 0,45]	0,791	0,64	[0,13; 1,16]	0,015	-0,14	[-0,36; 0,08]	0,206
Chứng kiến người thân bị bạo lực khi còn nhỏ	Có so với không	0,36	[0,04; 0,68]	0,028	0,34	[0,09; 0,60]	0,009	-0,12	[-0,47; 0,23]	0,504	0,27	[0,13; 0,42]	0,000
	Có so với không rõ	-0,05	[-0,50; 0,40]	0,825	0,14	[-0,22; 0,50]	0,445	0,02	[-0,47; 0,52]	0,924	0,23	[0,03; 0,44]	0,026
	Không so với không rõ	-0,41	[-0,89; 0,07]	0,090	0,20	[-0,58; 0,18]	0,292	0,14	[-0,38; 0,66]	0,588	-0,04	[-0,26; 0,17]	0,709

Ghi chú: Mean Difference: Hiệu số trung bình; 95%CI of the Difference: Khoảng tin cậy 95% của hiệu số trung bình; p: giá trị kiểm định t-test hoặc ANOVA.

Nguồn: Tổng hợp của tác giả từ kết quả khảo sát.

Kết quả cho thấy có sự khác biệt về cách ứng phó với bạo lực kinh tế theo giới tính và trải nghiệm bạo lực. Cụ thể, trẻ vị thành niên nữ có xu hướng sử dụng nhiều hơn các cách ứng phó cảm xúc ($p < 0,05$). Trẻ từng bị bạo lực có xu hướng tăng ứng phó cảm xúc và tiêu cực, đồng thời giảm ứng phó tích cực ($p < 0,01$). Việc chứng kiến bạo lực cũng liên quan đến gia tăng ứng phó cảm xúc và tiêu cực ($p < 0,05$). Sự khác biệt theo khu vực ít rõ rệt.

Như vậy, bạo lực kinh tế có liên quan đến sự gia tăng các cách ứng phó cảm xúc và phản ứng kém thích ứng, phù hợp với lý thuyết ứng phó và học tập xã hội. Trẻ trải nghiệm hoặc chứng kiến bạo lực có xu hướng sử dụng các chiến lược ít hiệu quả hơn, phản ánh ảnh hưởng của môi trường gia đình đến hệ thống ứng phó. Sự khác biệt giới cho thấy vai trò của đặc điểm giới trong xử lý cảm xúc. Tuy nhiên, cần thận trọng với một số nhóm mẫu nhỏ và tiếp tục nghiên cứu để làm rõ cơ chế tác động.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy bạo lực tinh thần là hình thức bạo lực phổ biến nhất mà trẻ vị thành niên phải đối mặt trong gia đình, phản ánh tính chất âm thầm và kéo dài của loại bạo

lực này so với bạo lực thể chất và bạo lực kinh tế. Thực trạng nhiều trẻ vị thành niên từng trải nghiệm từ một đến nhiều hình thức bạo lực cho thấy bạo lực gia đình vẫn là một nguy cơ đáng kể đối với sự phát triển tâm lý của những trẻ em này.

Khi đối diện với bạo lực từ bố mẹ, trẻ vị thành niên nhìn chung có xu hướng sử dụng các chiến lược ứng phó mang tính chủ động, đặc biệt là ứng phó tập trung vào giải quyết vấn đề theo hướng tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó, các chiến lược ứng phó tiêu cực vẫn tồn tại, nhất là ở những em đã từng tiếp xúc với bạo lực trong gia đình.

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng, cách thức trẻ vị thành niên ứng phó với bạo lực gia đình không chỉ phụ thuộc vào đặc điểm cá nhân của mỗi em mà còn chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ bối cảnh sống và trải nghiệm của các em trước đó. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của môi trường gia đình và xã hội trong việc hình thành các kiểu ứng phó của trẻ vị thành niên.

Từ những phát hiện trên, nghiên cứu nhấn mạnh sự cần thiết của các chương trình phòng ngừa và can thiệp tâm lý nhằm tăng cường các chiến lược ứng phó tích cực, đồng thời hạn chế các phản ứng tiêu cực ở trẻ vị thành niên, đặc biệt là nhóm các em có nguy cơ cao do từng trải nghiệm hoặc chứng kiến bạo lực trong gia đình.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, J. C., & Gerbing, D. W. (1988). Structural equation modeling in practice: A review and recommended two-step approach. *Psychological Bulletin*, 103(3), 411-423. <https://doi.org/10.1037/0033-2909.103.3.411>
- Carlos, D. M. (2013). *Family violence and coping strategies among adolescents*.
- Compas, B. E., Jaser, S. S., Bettis, A. H., Watson, K. H., Gruhn, M. A., Dunbar, J. P., Williams, E., & Thigpen, J. C. (2017). Coping, emotion regulation, and psychopathology in childhood and adolescence: A meta-analysis and narrative review. *Psychological Bulletin*, 143(9), 939-991. <https://doi.org/10.1037/bul0000110>.
- Ellonen, N., Kääriäinen, J., Sariola, H., & Helweg-Larsen, K. (2008). Adolescent violence towards parents: A comparative study of Finland, Denmark, and Sweden. *Journal of Scandinavian Studies in Criminology and Crime Prevention*, 9(1), 48-70.
- Gagné, M.-H., & Melançon, C. (2013). Parental psychological violence and adolescents' adjustment: The role of coping strategies. *Child Abuse & Neglect*, 37(12), 1050-1060. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2013.04.008>.
- Gipple, K. R., Lee, R. E., & Puig, J. (2006). Coping strategies and resiliency in adolescents with a history of abuse. *Journal of Child and Adolescent Psychiatric Nursing*, 19(3), 139-146. <https://doi.org/10.1111/j.1744-6171.2006.00064.x>.
- Harpaz-Rotem, I., Murphy, R. A., Rosenheck, R. A., & Horwitz, S. M. (2007). Identifying adolescents at risk for violence exposure. *Journal of the American Academy of Child & Adolescent Psychiatry*, 46(1), 66-75. <https://doi.org/10.1097/01.chi.0000246061.05873.0c>.
- Hair, J. F., Anderson, R. E., Tatham, R. L., & Black, W. C. (1998). *Multivariate data analysis* (5th ed.). Prentice Hall.

- Hoàng Chu, & Chu Nguyễn Mộng Ngọc. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Hồng Đức.
- Krug, E. G., Dahlberg, L. L., Mercy, J. A., Zwi, A. B., & Lozano, R. (Eds.). (2002). *World report on violence and health*. World Health Organization.
- Lazarus, R. S., & Folkman, S. (1984). *Stress, appraisal, and coping*. Springer.
- Leite, J. T., Prado, L. C., Peres, R. S., & Santos, M. A. (2016). Adolescents in situations of domestic violence: Coping strategies. *Revista da Escola de Enfermagem da USP*, 50(5), 771-777. <https://doi.org/10.1590/S0080-623420160000600004>.
- Lepistö, S., Luukkaala, T., & Paavilainen, E. (2010). Witnessing and experiencing domestic violence: A descriptive study of adolescents. *Scandinavian Journal of Caring Sciences*, 25(1), 70-80. <https://doi.org/10.1111/j.1471-6712.2010.00803.x>.
- Morimoto, K., & Sharma, A. (2004). Cognitive restructuring as a coping strategy in adolescents. *Journal of Adolescence*, 27(2), 153-165.
- Miles, C., & Condry, R. (2015). Responding to adolescent-to-parent violence: Challenges for policy and practice. *The British Journal of Criminology*, 55(6), 1076–1095. <https://doi.org/10.1093/bjc/azv006>.
- Phan Thị Mai Hương và cộng sự (2007). *Cách ứng phó của trẻ vị thành niên với hoàn cảnh khó khăn*. Hà Nội: Nxb Khoa học xã hội.
- Routt, G., & Anderson, L. (2011). Adolescent violence towards parents. *Journal of Aggression, Maltreatment & Trauma*, 20(1), 1-19. <https://doi.org/10.1080/10926771.2011.537595>.
- Zimmer-Gembeck, M. J., & Skinner, E. A. (2016). The development of coping: Implications for psychopathology and resilience. In D. Cicchetti (Ed.), *Developmental psychopathology* (Vol. 4, pp. 485-545). Wiley. <https://doi.org/10.1002/9781119125556.devpsy410>.